

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **442 /2020/KDTM-PT**
Ngày: 01-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trinh

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Như Mai
Bà Vũ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2020/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 90/2019/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2062/2020/QĐ-PT ngày 16/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4455/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A; địa chỉ trụ sở: Số 6 đường D, khu công nghiệp VSIP II, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Diệu L, sinh năm 1995; địa chỉ: A15- 01B Tòa nhà Babylon – 683A Âu C, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (văn bản ủy quyền số 01/2019/QU ngày 29/01/2019).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần P; địa chỉ trụ sở: Phòng 0904 – V6, tòa nhà Sunrise City, Số 23 Nguyễn Hữu T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1981; Địa chỉ: 46J đường Nguyễn Văn L, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Giấy ủy quyền ngày 29/4/2020).

Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty Cổ phần P

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A có bà Đỗ Thị Diệu L người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/7/2017, Công ty TNHH A và Công ty Cổ phần P có ký kết hợp đồng kinh tế số 19/HĐKT/ALK-PCF/2017 về việc mua bán som. Hai bên thống nhất như một hệ thống tiêu chuẩn chung chi phối tất cả các giao dịch thương mại giữa hai bên. Những yêu cầu đặc biệt, nếu có phát sinh, sẽ được thỏa thuận bằng văn bản hoặc bằng báo giá cho mỗi giao dịch. Theo đó, Công ty TNHH A đã giao đầy đủ hàng hóa theo đơn đặt hàng của Công ty Cổ phần P. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần P vẫn chưa thanh toán đầy đủ tiền hàng cho nguyên đơn.

Căn cứ theo bảng đối chiếu công nợ lập ngày 09/7/2018 để xác nhận công nợ đến hết ngày 30/6/2018, Công ty Cổ phần P có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.215.458.420 đồng. Sau thời điểm xác lập công nợ trên, giữa nguyên đơn và Công ty Cổ phần P tiếp tục phát sinh đơn hàng đã được nguyên đơn giao đầy đủ vào tháng 7/2018 trị giá 333.795.550 đồng, giá trị đơn hàng này được Công ty Cổ phần P thanh toán một phần là 205.087.300 đồng vào tháng 8/2018, do đó phần công nợ mới phát sinh trên còn lại 128.708.250 đồng. Từ sau thời điểm đó đến nay, Công ty Cổ phần P không thanh toán thêm bất cứ khoản công nợ nào cho nguyên đơn nữa. Như vậy, tổng giá trị công nợ (bao gồm cũ và mới) Công ty Cổ phần P phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.344.166.670 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng). Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm hỗ trợ cho bị đơn số tiền 250.000.000 đồng theo Biên bản cuộc họp ngày 28/9/2018.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần P thanh toán số công nợ trên, nhưng đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần P không hề có bất cứ phản hồi nào về công nợ, không thanh toán công nợ cho nguyên đơn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty Cổ phần P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A tổng số tiền là 1.344.166.670 đồng và lãi suất theo quy định.

Lãi suất yêu cầu tiếp tục tính cho đến khi Công ty Cổ phần P thanh toán nợ dứt điểm cho Công ty TNHH A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ 1.256.477.966 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần P có ông Nguyễn Quang T đại diện trình bày:

Bị đơn xác nhận ngày 01/7/2017, Công ty TNHH A có ký kết hợp đồng kinh tế số 19/HĐKT/ALK-PCF/2017 để bán som cho Công ty Cổ phần P.

Ông T đại diện bị đơn xác nhận Công ty Cổ phần P còn nợ Công ty TNHH A tổng số tiền 1.344.166.670 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày.

Tuy nhiên, trong quá trình mua bán và sử dụng hàng hóa, phía nguyên đơn cung cấp hàng hóa không đảm bảo chất lượng. Sự việc này đã được các bên ngồi lại làm việc, trao đổi và đi đến thống nhất số tiền thiệt hại mà bị đơn phải khắc phục cho các khách hàng sử dụng sơn của nguyên đơn là 495.000.000 đồng.

Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền hàng còn thiếu với điều kiện nguyên đơn trừ đi số tiền 495.000.000 đồng chi phí mà bị đơn khắc phục sự cố với khách hàng khi sử dụng sơn của nguyên đơn. Trong đó: Chi phí nhân công 250.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền nhân công và 145.000.000 tiền sơn.

Về yêu cầu lãi suất của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý vì việc không thanh toán tiền hàng là do nguyên đơn giao hàng không đúng chất lượng.

Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố theo đơn phản tố ngày 17/7/2019. Nếu có yêu cầu bị đơn sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác do đó bị đơn không đóng tạm ứng án phí phản tố.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không chấp nhận.

Tại Bản án sơ thẩm số 90/2019/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A buộc bị đơn Công ty Cổ phần P phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 27/11/2019 còn thiếu là 1.248.981.710 (một tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi một ngàn bảy trăm mười) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 49.469.451 (bốn mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi một) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH A số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.355.431 (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi một) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026976 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 90/2019/KDTM-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty Cổ phần P và Công ty TNHH A thỏa thuận giải quyết với nhau toàn bộ các tranh chấp và án phí, cụ thể, bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền cho nguyên đơn là 1.196.981.710 đồng; án phí Công ty Cổ phần P tự nguyện chịu 47.909.451 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng quy luật của pháp luật. Và tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định của pháp luật.

Các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty TNHH A ủy quyền cho bà Đỗ Thị Diệu L, Công ty Cổ phần P ủy quyền cho ông Trần Văn T, việc ủy quyền này phù hợp với Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Công ty cổ phần P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 1.196.981.710 đồng, sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội, hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần P phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 1.196.981.710 đồng nên Công ty Cổ phần P tự nguyện chịu tiền án phí là 47.909.451 đồng. Hoàn lại cho Công ty TNHH A 27.355.431 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2017/0026976 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty TNHH A và Công ty Cổ phần P nên Công ty P không phải chịu nên được hoàn lại số tiền 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Luật Thi

hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Luật Thương mại năm 2005.

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 90/2019/KDTM-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bị đơn – Công ty Cổ phần P, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần P phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền nợ là 1.196.981.710 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một ngàn bảy trăm mười đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH A, nếu Công ty Cổ phần P chưa thanh toán hoặc chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất nợ quá hạn trung bình tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần P tự nguyện chịu 47.909.451 đồng (bốn mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín triệu bốn trăm năm mươi một đồng)

Hoàn lại cho Công ty TNHH A tiền tạm nộp án phí là 27.355.431 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi một đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0026976 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty P không phải chịu nên được hoàn lại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0032007 ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự ;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trinh